

Số: **114** /2021/QĐST-HNGĐ

B, ngày 29 tháng 3 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 393/2021/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Ông Trần Quang TH – sinh năm 1961

HKTT : Thôn Phú Thịnh, xã P, huyện B, Tp Hà Nội

Bị đơn: Bà Lê Thị T – sinh năm 1961

HKTT: Thôn Phú Thịnh, xã P, huyện B, Tp Hà Nội.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Anh Trần Trí T1 – sinh năm 1984
- Anh Trần Minh T2 – sinh năm 1986
- Anh Trần Tiến T3 – sinh năm 1991

Đều có HKTT: Thôn Phú Thịnh, xã P, huyện B, Tp Hà Nội

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban TH vụ Quốc hội;

Căn cứ vào các điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải T3 ngày 19 tháng 3 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải T3 ngày 19 tháng 3 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải T3, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Trần Quang TH và bà Lê Thị T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trần Quang TH và bà Lê Thị T.

2.2. Con chung: 03 con chung là các anh Trần Trí T1 – sinh ngày 02/8/1984; anh Trần Minh T2 – sinh ngày 03/12/1986; anh Trần Tiến T3 – sinh ngày 07/9/1991.

Vấn đề nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con chung : Anh T1, anh T2, anh T3 đều đã trưởng T3, không có nhược điểm về thể chất và tinh thần nên ông TH bà T không đặt ra việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng con chung.

2.3. Tài sản chung, công sức đóng góp : Ông TH, bà T, anh T1, anh T2, anh T3 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Công nợ chung: Không có

2.5. Án phí: Ông TH tự nguyện chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm . Ông TH đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B theo biên lai thu tiền tạm ứng số 00300 ngày 07/10/2020, nay hoàn trả 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND huyện B
- UBND xã P
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đặng Trung Thành

